

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm
2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG (LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI)			
1	Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia	Đất đai	<ul style="list-style-type: none">- Luật Đất đai 2013;- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018;- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;- Nghị định số 148/2020/NĐ CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;- Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			môi trường; - Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; - Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	
2	Trình tự, thủ tục thẩm định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia	Đất đai	- Luật Đất đai 2013; - Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018; - Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; - Nghị định số 37/2019/NĐ- CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; - Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 148/2020/NĐ CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; - Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	
3	Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh	Đất đai	- Luật Đất đai 2013; - Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018; - Nghị định số 37/2019/NĐ- CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
4	Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử	Đất đai	- Luật Đất đai 2013; - Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018;	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 37/2019/NĐ- CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; - Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. 	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai 2013; - Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018; - Nghị định số 37/2019/NĐ- CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; - Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. 	UBND cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh)
2	Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai 2013; - Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018; - Nghị định số 37/2019/NĐ- CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; 	UBND cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; - Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. 	

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN ((LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI))

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai 2013; - Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018; - Nghị định số 37/2019/NĐ- CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; - Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. 	UBND cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh; UBND cấp huyện)
2	Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai 2013; - Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018; - Nghị định số 37/2019/NĐ- CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy 	UBND cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh; UBND cấp huyện)

			<p>hoạch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; - Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. 	
3	Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai 2013; - Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018; - Nghị định số 37/2019/NĐ- CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; 	UBND cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh; UBND cấp huyện)

			- Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.	
--	--	--	---	--

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG (LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI)

1. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì giúp Chính phủ trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

- Bước 2:

+ Các bộ, ngành xác định nhu cầu sử dụng đất đối với các dự án của ngành, lĩnh vực phụ trách theo từng đơn vị hành chính cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định nhu cầu sử dụng đất của địa phương;

+ Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi nhu cầu sử dụng đất về Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng đất.

- Bước 3: Về lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch đất quốc gia

Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia tới Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đăng tải nội dung dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia (trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật) trên trang thông tin điện tử của Bộ trong thời gian ít nhất 30 ngày tính từ ngày gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia thực hiện như sau:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp huyện việc lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo việc lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức đóng tại địa bàn;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông tin việc lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến cộng đồng dân cư và cá nhân có liên quan;

+ Cộng đồng dân cư, tổ chức và cá nhân góp ý về quy hoạch, kế hoạch sử

dụng đất quốc gia trực tiếp trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc gửi văn bản góp ý tới Bộ Tài nguyên và Môi trường; trường hợp cần thiết, Bộ Tài nguyên và Môi trường có thể lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia thông qua việc niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng, tổ chức hội nghị, hội thảo, phát phiếu điều tra, phỏng vấn thông qua đại diện cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân.

- Bước 4: Trả lời Bộ Tài nguyên và Môi trường

Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

- Bước 5: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia trình Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

Cơ quan lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét trước khi trình Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

- Bước 6: Hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia theo kết luận của Hội đồng thẩm định và trình Chính phủ để trình Quốc hội quyết định.

Cơ quan lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia có trách nhiệm hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất quốc gia và báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Theo quy định tại Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình của Chính phủ trình Quốc hội thông qua Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia;

- Nghị quyết của Quốc hội thông qua Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia;

- Báo cáo Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia;

- Dự thảo Quyết định thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia;

- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia;

- Báo cáo thuyết minh Đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

- Hệ thống bản đồ;

A. Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:100.000 - 1:1.000.000

1. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất quốc gia.
2. Bản đồ định hướng sử dụng đất quốc gia.
3. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

B. Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:50.000 - 1:250.000

1. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất quốc gia theo vùng.

d) Thời hạn giải quyết:

Không quá 30 tháng tính từ ngày Nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan lập quy hoạch sử dụng đất.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Quốc hội.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia của Quốc hội.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn sự nghiệp kinh tế.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai 2013;
- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trình tự thủ tục thẩm định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1:

Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì giúp Chính phủ trong việc lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

- Bước 2

+ Các bộ, ngành xác định nhu cầu sử dụng đất điều chỉnh đối với các dự án của ngành, lĩnh vực phụ trách theo từng đơn vị hành chính cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định nhu cầu sử dụng đất điều chỉnh của địa phương;

+ Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi nhu cầu sử dụng đất điều chỉnh về Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị đăng ký điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất.

- Bước 3: Về lấy ý kiến về điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia

Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến về điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia tới Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia;

Bộ Tài nguyên và Môi trường đăng tải nội dung dự thảo điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia (trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật) trên trang thông tin điện tử của Bộ trong thời gian ít nhất 30 ngày tính từ ngày gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch.

Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia thực hiện như sau:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp huyện việc lấy ý kiến về điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo việc lấy ý kiến về điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức đóng tại địa bàn;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông tin việc lấy ý kiến về điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến cộng đồng dân cư và cá nhân có liên quan;

+ Cộng đồng dân cư, tổ chức và cá nhân góp ý về điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia trực tiếp trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc gửi văn bản góp ý tới Bộ Tài nguyên và Môi trường; trường hợp cần thiết, Bộ Tài nguyên và Môi trường có thể lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia thông qua việc niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng, tổ chức hội nghị, hội thảo, phát phiếu điều tra, phỏng vấn thông qua đại diện cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân.

- Bước 4: Trả lời Bộ Tài nguyên và Môi trường

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

- Bước 5: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch

Cơ quan điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét trước khi trình Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

- Bước 6: Hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định và trình Quốc hội phê duyệt

Cơ quan điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia có trách nhiệm hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia và báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét trình Chính phủ để trình Quốc hội thông qua.

b) Cách thức thực hiện: Theo quy định tại Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình của Chính phủ trình Quốc hội thông qua điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia;

- Nghị quyết của Quốc hội thông qua điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia;

- Báo cáo điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia;

- Dự thảo Nghị quyết thông qua điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia của Quốc hội;

- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia;

- Báo cáo thuyết minh Đánh giá môi trường chiến lược điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

- Hệ thống bản đồ

A. Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:100.000 - 1:1.000.000

1. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất quốc gia.

2. Bản đồ định hướng sử dụng đất quốc gia.

3. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

B. Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:50.000 - 1:250.000

1. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất quốc gia theo vùng.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 30 tháng tính từ ngày Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Quốc hội.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết thông qua điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia của Quốc hội.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn sự nghiệp kinh tế.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai 2013;

- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1:

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì giúp Chính phủ trong việc lập quy hoạch đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì giúp Chính phủ trong việc thẩm định quy hoạch đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch, sử dụng đất quốc phòng; thẩm định quy hoạch sử dụng đất an ninh

- Bước 2:

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi hồ sơ quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh đến Bộ Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến thẩm định.

- Bước 3: Về lấy ý kiến quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy

hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh tới Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 4: Trả lời Bộ Tài nguyên và Môi trường

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

- Bước 5: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì lập quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét trước khi trình Hội đồng thẩm định về quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

- Bước 6: Hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh theo kết luận của Hội đồng thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì lập quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh có trách nhiệm hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh và gửi Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét phối hợp với thành viên Hội đồng kiểm tra và rà soát, đóng dấu xác nhận vào hồ sơ quy hoạch gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Tờ trình của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh;

- Báo cáo tổng hợp về quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh;

- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh;

- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh;

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

- Hệ thống bản đồ;

A. Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:100.000

1. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất quốc phòng/đất an ninh.
2. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất quốc phòng/đất an ninh.
3. Bản đồ khu vực đất quốc phòng/đất an ninh giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội.

B. Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:50.000

1. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất quốc phòng/đất an ninh của các khu vực trọng điểm.
2. Bản đồ định hướng sử dụng đất quốc phòng/đất an ninh của các khu vực trọng điểm.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 24 tháng tính từ ngày Nhiệm vụ lập quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan lập quy hoạch sử dụng đất: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ.
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí lập, thẩm định, quyết định, phê duyệt, công bố quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh được thực hiện theo pháp luật quy hoạch.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

4. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh

a) Trình tự thực hiện

Bước 1:

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến thẩm định.

Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất quốc phòng; thẩm định kế hoạch sử dụng đất an ninh

- Bước 2: Về lấy ý kiến kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các thành viên của Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh để lấy ý kiến thẩm định; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn không quá 05 ngày, Bộ Tài nguyên và Môi trường nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan gửi hồ sơ;

+ Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, các thành viên Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất gửi ý kiến thẩm định bằng văn bản đến Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian lấy ý kiến, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp và gửi thông báo kết quả thẩm định kế hoạch sử dụng đất đến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để hoàn chỉnh hồ sơ;

+ Trường hợp cần thiết, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức họp Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất và gửi Thông báo kết quả thẩm định kế hoạch sử dụng đất đến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

+ Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo kết quả thẩm định, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoàn chỉnh hồ sơ kế hoạch sử dụng đất và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sử dụng đất quốc phòng; kế hoạch sử dụng đất an ninh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Tờ trình của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh;

- Báo cáo tổng hợp về kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh;

- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh;
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- Hệ thống bản đồ.

A. Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:100.000

1. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất quốc phòng/đất an ninh;
2. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất quốc phòng/đất an ninh;
3. Bản đồ khu vực đất quốc phòng/đất an ninh giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội.

B. Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:50.000

1. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất quốc phòng/đất an ninh của các khu vực trọng điểm.
2. Bản đồ định hướng sử dụng đất quốc phòng/đất an ninh của các khu vực trọng điểm.

d) Thời hạn giải quyết: 70 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan lập quy hoạch sử dụng đất: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ.
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh;

h) Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí lập, thẩm định, quyết định, phê duyệt, công bố kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh được thực hiện theo Luật Quy hoạch năm 2017 và Nghị định hướng dẫn Luật Quy hoạch.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI)

1. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

- Bước 2

Các sở, ngành xác định nhu cầu sử dụng đất đối với các dự án sử dụng đất thuộc chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh theo từng đơn vị hành chính cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định nhu cầu sử dụng đất của địa phương;

Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi nhu cầu sử dụng đất đến Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng đất;

Sở Tài nguyên và Môi trường dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất và dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;

- Bước 3: Về lấy ý kiến về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh tới các sở, ngành có liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân khác có liên quan về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và được thực hiện thông qua hình thức công khai thông tin về nội dung của kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trên trang thông tin điện tử của Cơ quan lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; nội dung lấy ý kiến gồm báo cáo thuyết minh, hệ thống bản đồ về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thực hiện như sau:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp huyện việc lấy ý kiến về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo việc lấy ý kiến về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức đóng tại địa bàn;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông tin việc lấy ý kiến về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến cộng đồng dân cư và cá nhân có liên quan;

+ Cộng đồng dân cư, tổ chức và cá nhân góp ý về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trực tiếp trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc gửi văn bản góp ý tới Sở Tài nguyên và Môi trường; trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường có thể lấy ý kiến về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thông qua việc niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng, tổ chức hội nghị, hội thảo, phát phiếu điều tra, phỏng vấn thông qua đại diện cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân.

Bước 4: Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến các thành viên của Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh để lấy ý kiến. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan gửi hồ sơ;

+ Trường hợp cần thiết, trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, khảo sát thực địa các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là khu vực chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;

+ Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các thành viên Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh gửi ý kiến góp ý bằng văn bản đến Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến góp ý, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và gửi Thông báo kết quả thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Theo quy định tại Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật

về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Biểu kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;
- Tờ trình, báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ kế hoạch sử dụng đất và các bản đồ chuyên đề;
- Đĩa CD lưu dữ liệu về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

d) Thời hạn giải quyết: 70 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Cơ quan lập kế hoạch sử dụng đất: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí lập, thẩm định, quyết định, phê duyệt, công bố kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn sự nghiệp kinh tế.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai 2013;
- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì giúp UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

- Bước 2: Về lấy ý kiến về điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến về điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh tới các sở, ngành có liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân khác có liên quan về điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và được thực hiện thông qua hình thức công khai thông tin về nội dung của điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất trên trang thông tin điện tử của Cơ quan lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; nội dung lấy ý kiến gồm báo cáo thuyết minh, hệ thống bản đồ về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thực hiện như sau:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp huyện việc lấy ý kiến về điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo việc lấy ý kiến về điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức đóng tại địa bàn;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông tin việc lấy ý kiến về điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến cộng đồng dân cư và cá nhân có liên quan;

+ Cộng đồng dân cư, tổ chức và cá nhân góp ý về điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trực tiếp trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc gửi văn bản góp ý tới Sở Tài nguyên và Môi trường; trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường có thể lấy ý kiến về điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thông qua việc niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng, tổ chức hội nghị, hội thảo, phát phiếu điều tra, phỏng vấn thông qua đại diện cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân.

- Bước 4: Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến các thành viên của Hội đồng thẩm định điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh để lấy ý kiến. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan gửi hồ sơ;

+ Trường hợp cần thiết, trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, khảo sát thực địa các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là khu vực chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;

+ Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các thành viên Hội đồng thẩm định điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh gửi ý kiến góp ý bằng văn bản đến Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến góp ý, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng thẩm định điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và gửi Thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ kế hoạch sử dụng đất gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Theo quy định tại Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Biểu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;
- Tờ trình, báo cáo thuyết minh tổng hợp;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất và các bản đồ chuyên đề;
- Đĩa CD lưu dữ liệu về điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

d) Thời hạn giải quyết: 70 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan lập kế hoạch sử dụng đất: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

i) Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn sự nghiệp kinh tế.

k) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

l) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không quy định.

n) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Đất đai 2013;
- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI)

1. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

a) *Trình tự thực hiện*

- *Bước 1:*

Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì giúp Ủy ban nhân dân huyện trong việc lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- *Bước 2*

Các phòng, ban cấp huyện xác định nhu cầu sử dụng đất và đề xuất các dự án sử dụng đất thuộc danh mục chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện theo từng đơn vị hành chính cấp xã; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác định nhu cầu sử dụng đất của địa phương.

Các phòng, ban cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã gửi nhu cầu sử dụng đất về Phòng Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng đất.

Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh và các dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã phân bổ cho cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã; tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất và dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai thì phải được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

- Bước 3: Về lấy ý kiến về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

Việc lấy ý kiến về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được thực hiện trong thời hạn 30 ngày

Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thực hiện như sau:

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã việc lấy ý kiến về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo việc lấy ý kiến về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến cộng đồng dân cư và cá nhân có liên quan;

+ Lấy ý kiến về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được thông qua hình thức tổ chức hội nghị, lấy ý kiến trực tiếp và công khai thông tin về nội dung của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trên trang thông tin điện tử cấp huyện.

- Bước 4: Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến các thành viên của Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất để lấy ý kiến. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan gửi hồ sơ;

+ Trường hợp cần thiết, trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất tổ chức kiểm tra, khảo sát thực địa các khu vực dự kiến chuyên mục đích sử dụng đất, đặc biệt là khu vực chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên;

+ Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất gửi ý kiến góp ý bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng để thẩm định quy hoạch sử dụng đất và gửi Thông báo kết quả thẩm định quy hoạch sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân cấp huyện;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch sử dụng đất, trình Hội đồng nhân dân cấp huyện thông qua, gửi hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến Sở Tài nguyên và Môi trường để trình phê duyệt;

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở

Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn không quá 05 ngày, cơ quan nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan gửi hồ sơ.

- Bước 5: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện phương án quy hoạch sử dụng đất trình Hội đồng thẩm định

Cơ quan lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến và báo cáo UBND tỉnh xem xét trước khi trình Hội đồng thẩm định.

- Bước 6: Hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo kết luận của Hội đồng thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt

Cơ quan lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện có trách nhiệm hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Theo quy định tại Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Biểu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;
- Tờ trình, báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các bản đồ chuyên đề;
- Đĩa CD lưu cơ sở dữ liệu về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

d) Thời hạn giải quyết: 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan lập quy hoạch sử dụng đất: UBND cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện của Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí lập, thẩm định, quyết định, phê duyệt, công bố quy hoạch sử dụng đất cấp huyện do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn sự nghiệp kinh tế

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

n) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai 2013;
- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

2. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1

Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì giúp Ủy ban nhân dân huyện trong việc thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Bước 2

Các phòng, ban cấp huyện xác định điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất và đề xuất các dự án sử dụng đất thuộc danh mục chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện theo từng đơn vị hành chính cấp xã; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác định điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất của địa phương;

Các phòng, ban cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã gửi điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất về Phòng Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị đăng ký điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất;

Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh và các dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã phân bổ cho cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã; tổng hợp, cân đối điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất và dự kiến phân bổ điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai thì phải được Hội đồng nhân dân tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Bước 3: Về lấy ý kiến về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thực hiện như sau:

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã việc lấy ý kiến về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo việc lấy ý kiến về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến cộng đồng dân cư và cá nhân có liên quan;

+ Lấy ý kiến về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được thông qua hình thức tổ chức hội nghị, lấy ý kiến trực tiếp và công khai thông tin về nội dung của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất trên trang thông tin điện tử cấp huyện.

- Bước 4: Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến các thành viên của Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện để lấy ý kiến. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan gửi hồ sơ;

+ Trường hợp cần thiết, trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tổ chức kiểm tra, khảo sát thực địa các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là khu vực chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên;

+ Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các thành viên Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đất gửi ý kiến góp ý bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng để thẩm định điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và gửi thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân cấp huyện;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch sử dụng đất, trình Hội đồng nhân dân cấp huyện thông qua, gửi hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến Sở Tài nguyên và Môi trường để trình phê duyệt;

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

b) Cách thức thực hiện: Theo quy định tại Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Biểu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;
- Tờ trình, báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các bản đồ chuyên đề;

- Đĩa CD lưu dữ liệu về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;

d) Thời hạn giải quyết: 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn sự nghiệp kinh tế.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai 2013;

- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

3. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1:

Quý III hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm của năm sau đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định;

- Bước 2:

Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đến các thành viên của Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất để lấy ý kiến. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Bước 3: Lấy ý kiến về kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các thành viên Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất gửi ý kiến thẩm định bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian lấy ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất, gửi thông báo kết quả thẩm định kế hoạch sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để hoàn chỉnh hồ sơ;

Bước 4: Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Căn cứ hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được hoàn thiện và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt thực hiện xong trước ngày 31 tháng 12.

b) Cách thức thực hiện: Theo quy định tại Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Biểu kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện;

- Tờ trình, báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp huyện hàng năm và các bản đồ chuyên đề;

- Đĩa CD lưu dữ liệu về kế hoạch quy hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện;

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn sự nghiệp kinh tế.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai 2013;

- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

